

Số: 24 /2022/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 8594/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Mẫu hồ sơ

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Các mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể như sau:

a) Đơn đề nghị của chủ trì liên kết (theo Mẫu 1.1).

b) Dự án/kế hoạch liên kết (theo Mẫu 1.2).

c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau (theo Mẫu 1.3).

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (theo Mẫu 1.4).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Các mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể như sau:

a) Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư (theo Mẫu 2.1).

b) Biên bản họp cộng đồng dân cư và danh sách các hộ dân tham gia dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.2).

c) Dự án/phương án sản xuất (theo Mẫu 2.3).

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Các mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể như sau:

a) Tờ trình đề nghị phê duyệt của đơn vị được giao nhiệm vụ/đơn vị nhận đặt hàng.

b) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ (theo Mẫu 3.1).

c) Hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng (theo Mẫu 3.2) hoặc Quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ (theo Mẫu 3.3).

Điều 4. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Bước 1: Xây dựng, nộp hồ sơ dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai để xây dựng dự án, kế hoạch liên kết và lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo mẫu hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

Hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất phải đảm bảo đúng yêu cầu quy định tại điểm a khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Đơn vị chủ trì liên kết nộp 01 bộ hồ sơ (nộp trực tiếp hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến) cho sở, ban ngành cấp tỉnh qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

- Bộ phận tiếp nhận của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đối với các dự án đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

- Bộ phận tiếp nhận của Ban Dân tộc đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

- Bộ phận tiếp nhận của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

b) Bước 2: Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, các sở, ban ngành cấp tỉnh tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng để xem xét, thẩm định dự án, kế hoạch liên kết; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Thành phần Hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Lãnh đạo sở, ban ngành cấp tỉnh khi được ủy quyền; Thành viên Hội đồng là đại diện các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chuyên môn cấp tỉnh có liên quan; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết); lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết.

c) Bước 3: Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Trường hợp dự án/ kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

a) Bước 1: Xây dựng và nộp hồ sơ dự án, phương án sản xuất.

Cộng đồng dân cư phối hợp, thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai để xây dựng dự án, phương án sản xuất, lập hồ sơ đề xuất theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này và nộp 01 bộ hồ sơ tới Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất phải đảm bảo đúng yêu cầu quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

b) Bước 2: Thẩm định dự án, phương án sản xuất

Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ theo đúng quy định, đơn vị, phòng, ban chuyên môn phụ trách dự án cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất; trình Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là đại diện phòng, ban, đơn vị chuyên môn phụ trách dự án cấp huyện, đại diện phòng Tài chính - Kế hoạch, các phòng, ban, đơn vị chuyên môn cấp huyện có liên quan; Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất; chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

c) Bước 3: Phê duyệt dự án, phương án sản xuất

Trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ thời điểm nhận hồ sơ và Báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Thủ trưởng phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP.

Trường hợp dự án/phương án không đủ điều kiện theo quy định trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

a) Trong trường hợp đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư; hoặc dự án hỗ trợ người dân đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường; dự án, mô hình cho các nhóm đối tượng yếu thế; hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh, bình đẳng giới; mô hình ứng dụng công nghệ, kỹ thuật sản xuất mới:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; các phòng, ban, đơn vị chuyên môn phụ trách dự án cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; các phòng, ban, đơn vị chuyên môn phụ trách dự án cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn cơ

quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm đối với các dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

- Ban Dân tộc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; các phòng, ban, đơn vị chuyên môn phụ trách dự án cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn cơ quan, đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

c) Lựa chọn đơn vị đặt hàng

Thực hiện theo quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 11 năm 2022. / *ng*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT *ng*

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

CÁC LOẠI MẪU THỦ TỤC

Loại hồ sơ	Mẫu hồ sơ	Ghi chú
1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Phụ lục I	
Đơn đề nghị	Mẫu 1.1	
Dự án/ kế hoạch liên kết	Mẫu 1.2	
Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết	Mẫu 1.3	
Bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.	Mẫu 1.4	
2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	Phụ lục II	
Đơn đề nghị của cộng đồng dân cư	Mẫu 2.1	
Biên bản họp cộng đồng dân cư	Mẫu 2.2	
Dự án/phương án sản xuất	Mẫu 2.3	
3. Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ	Phụ lục III	
Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ	Mẫu 3.1	
Hợp đồng đặt hàng	Mẫu 3.2	
Quyết định giao nhiệm vụ	Mẫu 3.3	

Phụ lục I**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN/ KẾ HOẠCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT
LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Mẫu 1.1: Đơn đề nghị của Chủ trì liên kết

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia**

Kính gửi:

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:.....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Fax:.....Email:

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị
(tên cơ quan chủ dự án thành phần cấp tỉnh):

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:.....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung 1:

2. Hỗ trợ nội dung 2:

Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): /.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu;

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu 1.2. Dự án/kế hoạch liên kết hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

**TÊN ĐƠN VỊ
CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ ÁN/KẾ HOẠCH LIÊN KẾT.....
Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia**

1. Tên đơn vị đề xuất dự án/kế hoạch (gồm: tên, địa chỉ, người đại diện, số CCCD hoặc CMND, số điện thoại liên lạc).
 2. Mục tiêu dự án/kế hoạch (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể):
 3. Đối tượng tham gia:
 4. Thời gian triển khai:
 5. Địa bàn thực hiện:
 6. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách):
 7. Nội dung:
 8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:
 9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết:
 10. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có):
 11. Tổ chức thực hiện dự án:
 12. Các nội dung liên quan khác
- (Có kèm bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án).

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 1.3. Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

BẢN THỎA THUẬN
Về việc cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)

Ngày tháng năm , tại , chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail

3.
 Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: đồng,
 trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng
 -(tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 - (tên đơn vị tham gia liên kết): đồng
 3. Các nguồn vốn khác: đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án/ kế hoạch liên kết.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết
(Ký đầy đủ các bên tham gia liên kết)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 1.4 . Bản cam kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BẢN CAM KẾT

Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường

Kính gửi:
 (tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail

Mã số thuế

Sản phẩm liên kết:

Loại hình liên kết:

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục II**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Mẫu 2.1. Đơn đề nghị của Cộng đồng dân cư**TÊN CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

Kính gửi:

Cộng đồng dân cư (nhóm hộ/tổ hợp tác/tổ, nhóm cộng đồng):.....

Người đại diện theo ủy quyền:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail

Căn cứ quy định tại..... thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia
..... (tên cộng đồng dân cư) đề nghị UBND huyện/ thành phố/ thị
xã

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Nội dung dự án/ phương án sản xuất đề nghị hỗ trợ:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô:

4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ nội dung 1:

2. Hỗ trợ nội dung 2:

.....
Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT: (tên cộng đồng dân cư) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây
2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.
3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):/.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 2.2. Biên bản họp cộng đồng dân cư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại..... (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản..... đã tổ chức họp để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

1. Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND cấp xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia: ...).

2. Nội dung cuộc họp

- Thảo luận các nội dung thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của nhà nước, thống nhất về đóng góp của người dân, cơ chế thu hồi, luân chuyển kinh phí hỗ trợ của nhà nước (nếu có);

- Bình xét hộ đủ điều kiện tham gia dự án/ phương án sản xuất.

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án/phương án sản xuất như sau:

TT	Tên đối tượng tham gia dự án (chủ hộ)	Địa chỉ	Số người lao động trong độ tuổi	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ (Ghi rõ mức đối ứng bằng tiền, hiện vật)	Ký xác nhận hoặc dấu tay - điểm chỉ

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

THƯ KÍ
CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN UBND
CẤP XÃ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG THÔN, CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
XÓM, BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 2.3. Dự án/ phương án sản xuất hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN/ PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).
2. Mục tiêu dự án/phương án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể).....
3. Đối tượng tham gia:
4. Thời gian triển khai:
5. Địa bàn thực hiện:
6. Các hoạt động của dự án/phương án:
7. Dự toán kinh phí thực hiện dự án/ phương án; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)):
8. Hình thức, mức quay vòng (nếu có):
9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án; trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp:
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có):
11. Tổ chức thực hiện dự án/ phương án:
12. Các nội dung liên quan khác

UBND CẤP XÃ CHỨNG THỰC
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục III**HỒ SƠ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
SẢN XUẤT THEO NHIỆM VỤ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 12/11/2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

Mẫu 3.1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TÊN DỰ ÁN

1. Tên cơ quan, đơn vị đề xuất dự án:
2. Loại mô hình:
3. Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến kết quả đầu ra):
.....
4. Đối tượng tham gia:
5. Thời gian triển khai:
6. Địa bàn thực hiện:
7. Nội dung:
8. Kinh phí thực hiện:
9. Kế hoạch triển khai:
10. Tổ chức thực hiện:
11. Các nội dung liên quan khác

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
ĐỀ XUẤT DỰ ÁN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 3.2. Hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng

Số/HĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng..... năm

HỢP ĐỒNG

**Về đặt hàng thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất
thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ

Hôm nay, ngày tháng..... năm..... chúng tôi gồm có:

- Đại diện bên A: (cơ quan, tổ chức ký Hợp đồng đặt hàng:)

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại: Fax:

+ Mã số thuế (nếu có):

+ Tài khoản:

+ Do ông, bà:

+ Chức vụ: làm đại diện

- Đại diện bên B (đơn vị nhận Hợp đồng đặt hàng:)

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại: Fax:

+ Mã số thuế:

+ Tài khoản:

+ Do ông (bà):

+ Chức vụ: làm đại diện

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng đặt hàng với các điều kiện sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng đặt hàng

1. Tên dự án:.....

a) Số lượng, khối lượng đặt hàng.

b) Chất lượng sản phẩm.

- c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành.
 - d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.
 - đ) Giá trị hợp đồng, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:
 - Nguồn ngân sách nhà nước:
 - Nguồn khác (nếu có).
 - e) Phương thức thanh toán, quyết toán.
 - g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm.
 - h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị nhận đặt hàng
 - i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng.
 - k) Trách nhiệm của các bên do vi phạm hợp đồng; phương thức giải quyết.
 - l) Ngoài ra, các bên có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.
2. Ngoài các nội dung hợp đồng đặt hàng tại điểm 1 nêu trên, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể bổ sung một số nội dung khác về hợp đồng đặt hàng để phù hợp với yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực cụ thể hoặc theo mẫu hợp đồng theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Điều 2. Trách nhiệm mỗi bên

Điều 3. Điều khoản khác

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 3.3. Quyết định giao nhiệm vụ với bên được giao nhiệm vụ

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC CHỦ
QUẢN TRỰC TIẾP (NẾU CÓ)
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-....

..., ngày... tháng... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc
(Tiểu dự án/Dự án/Chương trình mục tiêu quốc gia.....) từ kinh phí ngân sách
nhà nước năm..... phân bổ cho(tên cơ quan, đơn vị được giao vốn), với các
nội dung chính như sau:

1. Tên dự án:.....

a) Số lượng, khối lượng:

b) Chất lượng:

c) Thời gian triển khai và thời gian hoàn thành:.....

d) Đơn giá, giá đặt hàng theo quyết định của cấp có thẩm quyền:

đ) Dự toán kinh phí, trong đó chi tiết theo các nguồn sau:

- Nguồn ngân sách nhà nước:.....

- Nguồn khác (nếu có):

e) Phương thức thanh toán, quyết toán:

g) Phương thức nghiệm thu, bàn giao sản phẩm:

h) Quyền và nghĩa vụ của đơn vị được giao nhiệm vụ:

i) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đặt hàng:

k) Ngoài ra, có thể bổ sung một số nội dung khác nhưng không trái với quy định của pháp luật.

2. Tên dự án:.....(nội dung như khoản 1 nêu trên).

3. Tên dự án:(nội dung như khoản 1 nêu trên).

Điều 2. Căn cứ đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, Thủ trưởng đơn vị..... thực hiện theo đúng nội dung đặt hàng tại Điều 1 Quyết định này, quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,...

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)